

I. 連一連 Match
lián yī lián

A. 你好 ni hǎo •

• 什麼

你 shēn me •

• 你好

名字 míng zì •

• 名字

B. 陳心美 Chén xīn měi •

• 
Devin Li

陳心美

李大文 Lǐ dà wén •

• 
Tony Lin

李大文

林東明 Lín dōng míng •

• 
May Chen

林東明

II. 填一填 Fill in the blanks with the correct vocabulary words.
tián yī tián

林東明

Lín dōng míng

李大文

Lǐ dà wén

陳心美

Chén xīn měi

 我叫_____。

 我叫_____。

 我叫_____。